

Số: 25/2022/QĐST-HNGĐ

Bạch Thông, ngày 08 tháng 11 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 23/2022/TLST - HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2022 giữa:

- Nguyên đơn: Chị **Nông Thị T** - Sinh năm 1989;

Địa chỉ: Thôn N, xã Y, huyện B, tỉnh Bắc Kạn.

- Bị đơn: Anh **Lý Văn M** - Sinh năm 1987;

Địa chỉ: Thôn C, xã V, huyện B, tỉnh Bắc Kạn.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng Chính sách Xã hội Việt Nam.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông **Trần Trọng N** - Phó Giám đốc Phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội huyện B.

Căn cứ vào Điều 147, Điều 212, Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 31 tháng 10 năm 2022.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 31 tháng 10 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị **Nông Thị T** và anh **Lý Văn M**.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị **Nông Thị T** và anh **Lý Văn M** thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Giao con chung là Lý Gia T, sinh ngày 05 tháng 6 năm 2010 cho anh Lý Văn M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi con đủ 18 tuổi; giao con chung là Lý Gia H, sinh ngày 04 tháng 7 năm 2021 cho chị Nông Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con đủ 18 tuổi.

Sau ly hôn, chị Nông Thị T và anh Lý Văn M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

2.3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Nông Thị T và anh Lý Văn M không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

2.4. Về tài sản chung: Chị Nông Thị T và anh Lý Văn M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.5. Về vay nợ chung: Chị Nông Thị T có trách nhiệm trả nợ gốc và lãi phát sinh của số tiền vay 35.000.000đ (ba mươi năm triệu đồng) cho Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam theo kế ước vay nợ số 6600000719752272 lập ngày 13/03/2021 tại Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện B.

2.6. Về án phí: Chị Nông Thị T tự nguyện chịu 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0000553 ngày 12/10/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bạch Thông. Chị T được trả lại 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng).

Anh Mạo không phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND huyện Bạch Thông;
- Chi cục THA dân sự huyện Bạch Thông;
- Các đương sự;
- UBND xã V, huyện B (nơi ĐKKH);
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thế Doanh